

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2018/DS-ST.
Ngày: 20/11/2018.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Ông Trần Hữu Hà;
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Hồ Thị M Hương;

- ***Thư ký Pên tòa:*** Ông Hồ Tấn Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 314/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn Pên tòa số 228/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp 3, xã PT, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số 482, tổ 13, ấp TM, xã TT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 31/7/2018).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị B1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 4, xã TN, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị M, ông B có mặt, bà B1 vắng mặt tại Pên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại Pên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

Ông P và ông B có hợp đồng mua bán lúa với nhau nhiều lần. Ngày 12/01/2018 âm lịch, ông B có nhận của ông P số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và có viết biên nhận. Ông P mua lúa của ông B để giao cho nhà máy Thanh Lộc (Cần Thơ). Các bên thỏa thuận ngày cắt lúa 13/01/2018 âm lịch, tuy nhiên đến ngày cắt lúa ông B không có lúa để cắt nên Nhà máy buộc ông P bồi thường hợp đồng là

70.000.000 đồng. Ông P có đến gia đình ông B, bà B1 yêu cầu trả lại số tiền nhận cọc của ông là 50.000.000 đồng, ông B hứa nhiều lần và đến nay vẫn không trả lại 50.000.000 đồng tiền đặt cọc cho ông P.

Ông P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B và bà Lê Thị B1 liên đới trả cho ông P số tiền 50.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất 2%/tháng từ ngày 22/6/2018 đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 31/8/2018 và tại Pên tòa hôm nay ông Trần Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B và bà Lê Thị B1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và một khoản tiền tương ứng số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Ông P không biết ông Thuận là ai và không tranh chấp với ông Thuận. Ông B có ký kết hợp đồng mua bán lúa với ông Thuận hay không thì ông P không biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Pên tòa bị đơn là ông Trần Văn B trình bày:

Ông P và ông B có mua lúa với nhau nhiều lần. Ngày 12/01/2018, âm lịch, ông B có nhận 50.000.000 đồng tiền cọc của ông P để mua lúa của ông Võ Ngọc Thuận, địa chỉ: xã Mỹ Tân, TP. CL, tỉnh Đồng Tháp với diện tích 100 công trồng lúa năng hoa. Sau khi nhận tiền cọc mua lúa 50.000.000 đồng từ ông P, ông B có ký tên vào biên nhận ngày 12/01/2018. Ông B chỉ là người trung gian mua lúa giữa ông P với người bán lúa. Sau đó, ông B thay mặt ông P ký hợp đồng mua bán lúa với ông Thuận, hợp đồng ngày 13/01/2018 âm lịch, ông P không ký tên vào hợp đồng. Ngày 13/01/2018 âm lịch, sau khi ký hợp đồng ông B đã đưa 50.000.000 đồng tiền cọc cho ông Thuận, khi ông B đưa tiền cho ông Thuận thì không có mặt ông P. Tới ngày cắt lúa theo thỏa thuận là ngày 03, 04/04/2018 âm lịch thì ông Thuận không có lúa để giao cho ông B. Lý do, ông Thuận đã bán lúa cho người khác. Ông B thừa nhận có nhận tiền cọc 50.000.000 đồng của ông P và đã đặt cọc mua lúa của ông Thuận nên ông Thuận có nghĩa vụ trả tiền cho ông P.

Ông Trần Văn P yêu cầu ông Trần Văn B và bà Lê Thị B1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và một khoản tiền tương ứng số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, ông B không đồng ý. Việc ông nhận tiền đặt cọc của ông P thì vợ ông là bà Nguyễn Thị B1 biết nhưng chỉ có ông B đi mua bán nên ông B không đồng ý để vợ ông là bà B1 liên đới cùng ông trả số tiền theo yêu cầu của ông P. Tiền hoa lợi được hưởng từ việc mua, bán lúa ông B phục vụ chi tiêu sinh hoạt gia đình.

Ông Thuận là người nhận tiền đặt cọc mua lúa của ông B nhưng tại Pên tòa hôm nay ông B không yêu cầu ông Thuận trả cho ông số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng. Nếu quyền lợi bị xâm phạm ông B sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn Pên tòa và được triệu tập hợp lệ nhưng bà B1 không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại Pên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B1 theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại Pên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Pên toà, hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Văn P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn B và bà Lê Thị B1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và một khoản tiền tương ứng số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Ông B không đồng ý theo yêu cầu của ông P. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự - Hợp đồng đặt cọc theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Do bị đơn có địa chỉ: Tổ 02, ấp 4, xã TN, huyện CL và hợp đồng đặt cọc được thực hiện tại tổ 2, ấp 4, xã TN, huyện CL nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện CL theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của ông Trần Văn P yêu cầu ông Trần Văn B và bà Lê Thị B1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông P số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và một khoản tiền tương ứng số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, Hội đồng xét xử nhận định:

[3] Ông P có thỏa thuận miệng với ông B về việc mua lúa tươi, theo đó ông B sẽ bán lúa tươi cho ông P để giao cho nhà máy Thanh Lộc ở TP. Cần Thơ. Ông P đưa trước cho ông B số tiền cọc là 50.000.000 đồng và có viết biên nhận ngày 12/01/2018, ông B có ký tên vào biên nhận. Ông B thừa nhận có nhận 50.000.000 đồng tiền cọc mua lúa tươi của ông P và đến nay ông B chưa trả số tiền 50.000.000 đồng cho ông P. Ông B cũng thừa nhận đến ngày giao lúa như thỏa thuận thì ông B không có lúa để giao cho ông P. Ông B cho rằng ông P không mua được lúa tươi không phải lỗi của ông B mà do ông Thuận người đồng ý bán lúa tươi cho ông B đã tự ý bán lúa tươi cho người khác. Tuy nhiên, ông P không biết ông Thuận là ai và cũng không có thỏa thuận nào với ông Thuận.

[4] Ông B không thực hiện giao kết hợp đồng, tự ý hủy bỏ hợp đồng không được sự đồng ý của ông P, gây ra thiệt hại cho ông P; Cụ thể ông P phải bồi thường cho nhà máy Thanh Lộc số tiền 70.000.000 đồng. Do đó, buộc ông B có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và một khoản tiền tương ứng số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Tại Pên toà, ông B thừa nhận khi ông B làm trung gian mua bán lúa thì bà B1 biết và số tiền chênh lệch được hưởng thì ông B sử dụng cho sinh hoạt gia đình. Do đó, buộc ông B, bà B1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông P số tiền tổng cộng 100.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về án phí: Ông B, bà B1 phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông P không phải chịu tiền án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P. Buộc ông Trần Văn B và bà Lê Thị B1 có nghĩa vụ trả ông Trần Văn P số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng và một khoản tiền tương ứng số tiền đặt cọc là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Về án phí:

+ Ông Trần Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại 2.500.000 tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0000535 ngày 17/7/2018 và biên lai số 0000819 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL.

+ Ông Trần Văn B và bà Lê Thị B1 phải chịu 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Pên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu (HS).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa Pên tòa
(Đã ký)

Trần Hữu Hà